BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(Từ 22/11/2021 đến 28/11/2021)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 22/11/2021 đến 28/11/2021

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.
12	Đập An Bài (sông	Sông Châu	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
	Châu Giang)	Giang	tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đập Biên Hòa	Kênh Biên Hòa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

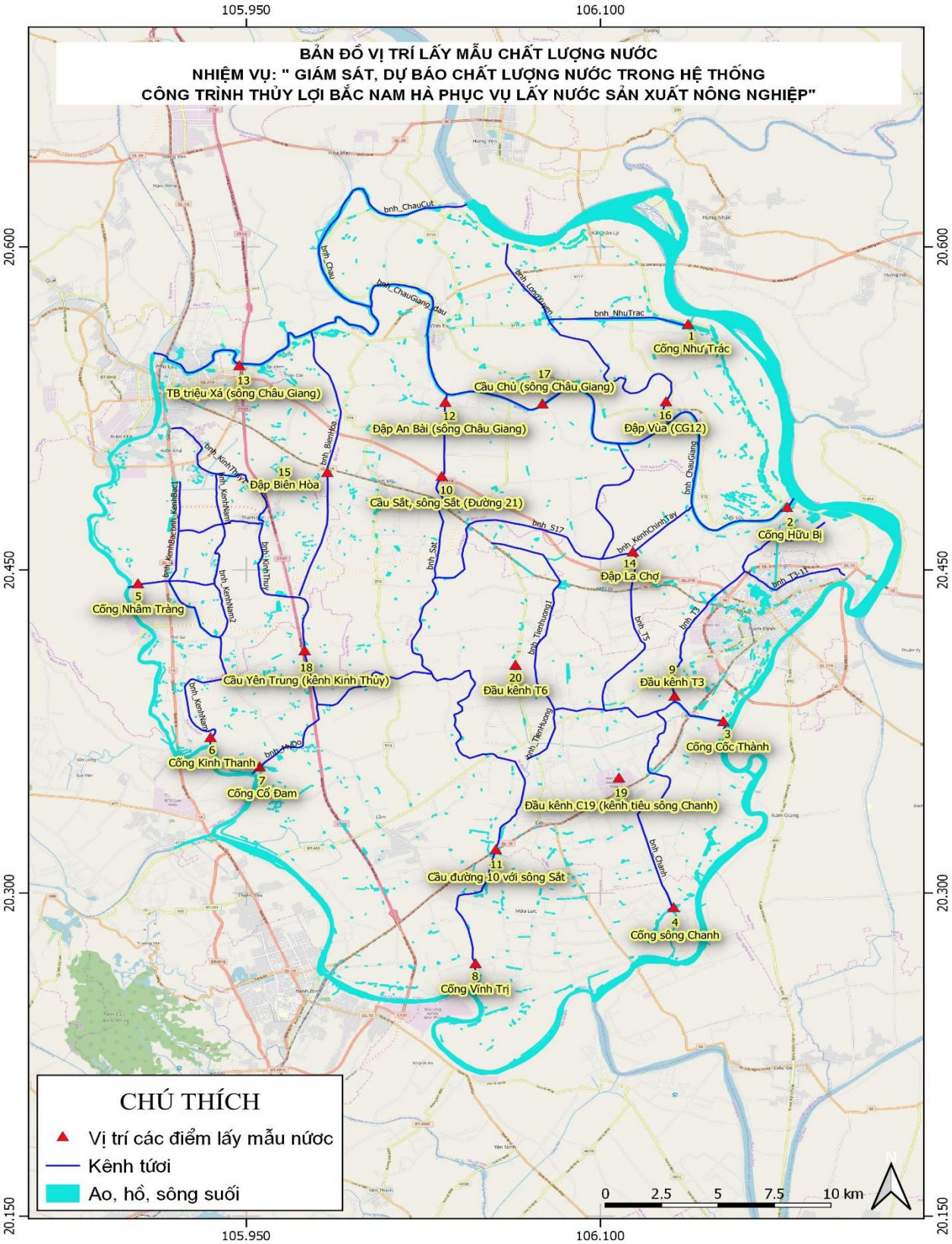

2. Thông tin lúc giám sát

Trong thời gian từ 22/11/2021 – 28/11/2021 không thực hiện giám sát

3. Kết quả đo đạc

Do không khảo sát nên không có kết quả để đánh giá, so sánh với tuần trước và cùng kỳ năm trước

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 22/11/2021 đến 28/11/2021

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 5-24mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế tăng so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 1: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng I/2021 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ 22/11 - 28/11 (mm)
						TBNN	2020	2019	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	0,0	2218	+35	+35	+84	6,2
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	0,0	2108	+15	+19	+21	9,8

Bảng 2: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)			MNTĐ trung bình tuần trước (m)	Mực nước dự báo tuần tới (m)			Đánh giá
		Min	Max	Thiết kế		Trung bình	Max	Min	
1	TB. Như Trác	-0,2	2,5	1,1	1,0	1,0	1,7	0,2	Giảm
2	TB. Hữu Bị	-0,3	2,2	0,8	1,0	0,9	1,7	0,1	Giảm
3	TB. Cốc Thành	-0,3	1,8	0,8	1,0	0,8	1,6	0,0	Giảm
4	TB. Cổ Đam	-0,3	1,8	0,8	0,7	0,8	1,2	0,4	Tăng
5	TB. Nhâm Tràng	-0,2	2,5	0,9	0,8	0,9	1,2	0,4	Tăng
6	TB. Vĩnh Trị	-0,3	1,8	0,8	0,8	0,8	1,3	0,1	Tăng

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Tuần dự báo							
	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	
Cống Như Trác	4.919	4.919	4.919	4.919	4.919	4.919	4.919	≥ 4
Cống Hữu Bị	5.349	5.383	5.417	5.450	5.483	5.514	5.543	≥ 4
Cống Cốc Thành	5.248	5.249	5.249	5.249	5.249	5.249	5.249	≥ 4
Cống sông Chanh	4.471	4.488	4.498	4.502	4.505	4.506	4.508	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	5.142	5.142	5.142	5.142	5.142	5.142	5.142	≥ 4
Cống Kinh Thanh	5.045	5.045	5.047	5.049	5.053	5.057	5.062	≥ 4
Cống Cổ Đam	5.007	5.003	4.999	4.996	4.994	4.992	4.990	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	4.932	4.927	4.921	4.916	4.911	4.906	4.901	≥ 4
Đầu kênh T3	5.199	5.212	5.217	5.220	5.222	5.224	5.227	≥ 4
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	4.862	4.857	4.851	4.845	4.839	4.833	4.827	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	4.922	4.917	4.913	4.908	4.903	4.898	4.893	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	4.941	4.941	4.941	4.941	4.941	4.941	4.941	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	≥ 4
Đập La Chợ	5.223	5.263	5.301	5.337	5.371	5.402	5.432	≥ 4
Đập Biên Hòa	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	5.901	5.912	5.923	5.933	5.945	5.958	5.971	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	5.187	5.211	5.235	5.258	5.281	5.302	5.323	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5.033	5.033	5.033	5.032	5.032	5.030	5.028	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5.124	5.155	5.167	5.174	5.181	5.187	5.192	≥ 4
Đầu kênh T6	5.244	5.246	5.247	5.247	5.247	5.247	5.247	≥ 4

NO_3^-								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Tuần dự báo**							
	22/11	**23/11**	**24/11**	**25/11**	**26/11**	**27/11**	**28/11**	
Cống Như Trác	6.748	6.748	6.748	6.748	6.748	6.748	6.748	**≤ 10**
Cống Hữu Bị	3.473	3.406	3.340	3.277	3.216	3.159	3.105	**≤ 10**
Cống Cốc Thành	2.603	2.603	2.603	2.603	2.603	2.603	2.603	**≤ 10**
Cống sông Chanh	4.924	4.925	4.927	4.929	4.933	4.936	4.938	**≤ 10**
Cống Nhâm Tràng	13.763	13.763	13.763	13.763	13.763	13.763	13.763	**≤ 10**
Cống Kinh Thanh	8.118	8.310	8.475	8.613	8.728	8.822	8.897	**≤ 10**
Cống Cổ Đam	8.913	8.964	9.023	9.086	9.149	9.209	9.264	**≤ 10**
Cống Vĩnh Trị	2.990	3.042	3.098	3.155	3.213	3.270	3.326	**≤ 10**
Đầu kênh T3	2.650	2.650	2.654	2.659	2.663	2.666	2.669	**≤ 10**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	3.792	3.889	3.971	4.043	4.106	4.163	4.215	**≤ 10**
Cầu đường 10 với sông Sắt	3.293	3.359	3.419	3.473	3.522	3.567	3.609	**≤ 10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	1.348	1.348	1.348	1.348	1.348	1.348	1.348	**≤ 10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	**≤ 10**
Đập La Chợ	2.788	2.807	2.819	2.828	2.834	2.838	2.839	**≤ 10**
Đập Biên Hòa	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	**≤ 10**
Đập Vùa (CG12)	2.343	2.323	2.304	2.286	2.266	2.246	2.226	**≤ 10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	2.660	2.676	2.690	2.703	2.715	2.726	2.736	**≤ 10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	9.615	9.599	9.593	9.589	9.582	9.568	9.546	**≤ 10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	2.699	2.706	2.718	2.730	2.741	2.751	2.759	**≤ 10**
Đầu kênh T6	2.608	2.608	2.608	2.608	2.609	2.609	2.609	**≤ 10**

Vị trí	BOD_5							B1-QCVN 08-2015
	Tuần dự báo							
	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	
Cống Như Trác	20.139	20.139	20.139	20.139	20.139	20.139	20.139	**≤ 15**
Cống Hữu Bị	13.442	13.255	13.071	12.893	12.725	12.567	12.418	**≤ 15**
Cống Cốc Thành	15.305	15.306	15.306	15.307	15.307	15.307	15.308	**≤ 15**
Cống sông Chanh	20.713	20.730	20.758	20.775	20.787	20.796	20.802	**≤ 15**
Cống Nhâm Tràng	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	**≤ 15**
Cống Kinh Thanh	13.932	14.105	14.259	14.395	14.514	14.618	14.708	**≤ 15**
Cống Cổ Đam	14.953	15.081	15.210	15.337	15.463	15.585	15.703	**≤ 15**
Cống Vĩnh Trị	11.132	11.245	11.358	11.473	11.587	11.701	11.815	**≤ 15**
Đầu kênh T3	15.259	15.289	15.309	15.323	15.334	15.343	15.350	**≤ 15**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	12.463	12.630	12.787	12.938	13.083	13.225	13.363	**≤ 15**
Cầu đường 10 với sông Sắt	11.454	11.573	11.690	11.803	11.915	12.024	12.132	**≤ 15**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	8.971	8.971	8.971	8.971	8.971	8.971	8.971	**≤ 15**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	**≤ 15**
Đập La Chợ	12.563	12.567	12.559	12.547	12.534	12.519	12.504	**≤ 15**
Đập Biên Hòa	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	**≤ 15**
Đập Vùa (CG12)	9.888	9.849	9.819	9.789	9.754	9.717	9.676	**≤ 15**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	12.394	12.432	12.465	12.496	12.525	12.553	12.580	**≤ 15**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	15.414	15.479	15.548	15.619	15.691	15.766	15.842	**≤ 15**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	15.006	15.106	15.163	15.204	15.235	15.260	15.280	**≤ 15**
Đầu kênh T6	15.314	15.317	15.318	15.320	15.321	15.321	15.322	**≤ 15**

NH_4^+								B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Tuần dự báo**							
	22/11	**23/11**	**24/11**	**25/11**	**26/11**	**27/11**	**28/11**	
Cống Như Trác	0.903	0.903	0.903	0.903	0.903	0.903	0.903	**≤ 0,9**
Cống Hữu Bị	0.583	0.579	0.575	0.571	0.567	0.564	0.561	**≤ 0,9**
Cống Cốc Thành	0.323	0.322	0.322	0.322	0.322	0.322	0.322	**≤ 0,9**
Cống sông Chanh	0.515	0.496	0.485	0.482	0.482	0.482	0.482	**≤ 0,9**
Cống Nhâm Tràng	0.792	0.792	0.792	0.792	0.792	0.792	0.792	**≤ 0,9**
Cống Kinh Thanh	0.639	0.653	0.666	0.678	0.689	0.700	0.710	**≤ 0,9**
Cống Cổ Đam	0.725	0.738	0.751	0.764	0.777	0.790	0.802	**≤ 0,9**
Cống Vĩnh Trị	0.536	0.547	0.557	0.568	0.579	0.590	0.600	**≤ 0,9**
Đầu kênh T3	0.392	0.378	0.375	0.374	0.375	0.375	0.376	**≤ 0,9**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	0.643	0.659	0.674	0.689	0.703	0.718	0.732	**≤ 0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt	0.559	0.570	0.581	0.592	0.603	0.614	0.624	**≤ 0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0.331	0.331	0.331	0.331	0.331	0.331	0.331	**≤ 0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	**≤ 0,9**
Đập La Chợ	0.631	0.636	0.641	0.645	0.649	0.652	0.656	**≤ 0,9**
Đập Biên Hòa	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	**≤ 0,9**
Đập Vùa (CG12)	0.439	0.440	0.442	0.444	0.445	0.447	0.448	**≤ 0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0.594	0.600	0.607	0.613	0.619	0.625	0.630	**≤ 0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0.754	0.764	0.774	0.783	0.792	0.801	0.809	**≤ 0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0.495	0.463	0.456	0.455	0.456	0.457	0.459	**≤ 0,9**
Đầu kênh T6	0.328	0.326	0.326	0.326	0.326	0.326	0.326	**≤ 0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Nhâm Tràng.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Như Trác, Cốc Thành, Sông Chanh, Nhâm Tràng, Cổ Đam, Đầu kênh T3, TB Triệu Xá, Đập Biên Hòa, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19, Đầu Kênh T6.

Kết quả dự báo NH_4^+ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Như Trác và đập Biên Hòa.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Chất lượng nước hệ thống Bắc Nam Hà trong thời đoạn dự báo có các vị trí vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT nhiều hơn tuần trước.

2. Đề xuất.

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung.

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận: **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.